

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và bà Võ Thị Mơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông** tham gia phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L.

Địa chỉ: Thôn ĐK, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019) – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N – vắng mặt tại lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 7, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trong quá trình tố tụng:*

Ngày 05/9/2017, anh Nguyễn Hữu N vay của bà Trần Thị L 06 chỉ vàng 9999, hạn trả là ngày 28/12/2017. Ngày 19/4/2018, anh N tiếp tục vay của bà L số tiền 68.000.000 đồng và 0,5 chỉ vàng 9999, hẹn ngày 25/12/2018 trả nợ.

Ngày 07/5/2018, anh N tiếp tục vay của bà L số tiền 14.000.000 đồng, hạn ngày 17/5/2018 trả nợ. Các khoản tiền vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 02%/tháng, đối với khoản vay là vàng thì không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả các khoản nợ nhưng anh N không trả các khoản nợ gốc và tiền lãi cho bà L nên bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu N phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 82.000.000 đồng và 23.000.000 đồng tiền lãi và 6,5 chỉ vàng 9999.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Hữu N trả số vàng còn nợ là 5,5 chỉ vàng 9999, tiền nợ gốc là 82.000.000 đồng, tính lãi các khoản nợ từ ngày vay đến ngày xét xử, ngày 30/9/2020, mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể:

Đối với khoản vay 68.000.000 đồng: Từ ngày 19/4/2018 đến ngày 30/9/2020 là 29 tháng 11 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 68.000.000 \text{ đồng} = 16.574.000 \text{ đồng}$ .

Đối với khoản vay 14.000.000 đồng: Từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 18/5/2018 đến ngày 30/9/2020 là 28 tháng 12 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 14.000.000 \text{ đồng} = 3.299.500 \text{ đồng}$ .

- Theo lời khai của bị đơn anh Nguyễn Hữu N trong quá trình tố tụng: Anh N thừa nhận có vay của bà L số tiền nợ tổng cộng là 82.000.000 đồng, 06 chỉ vàng 9999, nhưng anh N đã trả được số tiền 17.000.000 đồng và 0,5 chỉ vàng, chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ lại là 65.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng. Tuy nhiên, anh N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc trả tiền của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt đối với anh N.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 436; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc anh Nguyễn Hữu N phải trả cho bà L số vàng đã vay là 5,5 chỉ vàng 9999, tiền gốc là 82.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất theo quy định.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hữu N phải trả số tiền và vàng đã vay, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn trả nợ sớm nhất của các khoản vay là ngày 28/12/2017, ngày 03/01/2020 bà Trần Thị L làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Hữu N có địa chỉ tại thôn 7, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bà Trần Thị L là nguyên đơn trong vụ án, nhưng bà L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà Trần Thị L yêu cầu anh Nguyễn Hữu N phải trả số tiền gốc đã vay là 82.000.000 đồng theo các giấy viết tay ngày 19/4/2018, 07/5/2018; yêu cầu trả số vàng đã vay là 5,5 chỉ vàng 9999 theo các giấy vay nợ ngày 05/9/2017 và 19/4/2018, đồng thời yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với các khoản tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N thừa nhận có vay tiền, vàng của bà Trần Thị L như bà L khởi kiện, nhưng anh N đã trả được số tiền 17.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 65.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 9999 như yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, anh N không chứng minh được việc trả tiền nợ, do đó anh N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được cho yêu cầu của mình.

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Anh N có nghĩa vụ trả tiền, vàng đã vay theo thỏa thuận nhưng anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà Trần Thị L yêu cầu anh Nguyễn Hữu N phải trả số tiền đã vay là 82.000.000 đồng tiền gốc và 5,5 chỉ vàng 9999 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi các khoản tiền vay của nguyên đơn: Cần tính lãi đối với các khoản vay cụ thể: Đối với khoản vay 68.000.000 đồng, nguyên đơn

khẳng định lãi suất thỏa thuận miệng 02%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất là 2,5%/tháng, do có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay: Từ ngày 19/4/2018 đến ngày 30/9/2020 là 29 tháng 11 ngày x 0,83%/tháng x 68.000.000 đồng = 16.574.000 đồng.

Đối với khoản vay 14.000.000 đồng do không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay nợ, nguyên đơn không chứng minh được thỏa thuận tính lãi, bị đơn khẳng định vay không lãi nên cần tính lãi từ ngày ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 18/5/2018 đến ngày 30/9/2020 theo quy định tại khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự là 28 tháng 12 ngày x 0,83%/tháng x 14.000.000 đồng = 3.299.500 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 19.873.500 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Buộc anh Nguyễn Hữu N phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 101.873.500 đồng (Một trăm lẻ một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng), trong đó 82.000.000 đồng tiền gốc và 19.873.500 đồng tiền lãi và 5,5 chỉ vàng 9999 là có căn cứ (giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.555.000 đồng/chỉ).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị đơn anh Nguyễn Hữu N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 6.621.000 đồng. Trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.275.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463; khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Hữu N phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 101.873.500 đồng (Một trăm lẻ một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng), trong đó 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 19.873.500 đồng (Mười chín triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền lãi và 5,5 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hữu N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh Nguyễn Hữu N phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc Anh Nguyễn Hữu N phải chịu 6.621.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.275.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000259, ngày 03/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Triệu**